

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá: Đạt/Không đạt.

Nhà thầu có E-HSDT được đánh giá Đạt về kỹ thuật khi tất cả các yêu cầu đều được đánh giá Đạt.

Số TT	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
A. CÁC YÊU CẦU CHUNG			
1.	Chủng loại xe:	Là loại xe băng chuyền tự hành sử dụng động cơ dùng nhiên liệu dầu diesel Số lượng: 04 xe	Đạt
		Loại khác với yêu cầu trên	Không đạt
2.	Tiêu chuẩn thiết kế	Xe được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn IATA quy định về thiết bị mặt đất (Airport Handling Manual, xuất bản lần thứ 45, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025) ở các chương AHM 910, AHM 913, AHM 914, AHM 915, AHM 916, AHM 925 và phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở TCCS 18:2015/CHK của Cục Hàng không Việt Nam ban hành.	Đạt
		Không phù hợp với các tiêu chuẩn IATA quy định về thiết bị mặt đất hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở của Cục Hàng không Việt Nam ban hành TCCS 18:2015/CHK như nêu trên	Không đạt
3.	Chất lượng	Toàn bộ xe và các bộ phận cấu thành mới 100%	Đạt
		Khác yêu cầu trên	Không đạt
4.	Năm sản xuất	Năm 2026	Đạt
		Từ năm 2025 trở về trước	Không đạt
5.	Tải trọng	- Tải trọng tối đa của băng tải không nhỏ hơn 1.200 kg - Tải trọng đơn tối đa không nhỏ hơn 250 kg.	Đạt
		- Tải trọng tối đa nhỏ hơn 1.200 kg - Tải trọng đơn tối đa nhỏ hơn 250 kg.	Không đạt
B. YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT			
6.	Chiều rộng phủ bì của xe	Không lớn hơn 2.100 mm	Đạt
		Lớn hơn 2.100 mm	Không đạt
7.	Bán kính quay vòng	Không lớn hơn 7.500 mm	Đạt
		Lớn hơn 7.500 mm	Không đạt

Số TT		Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
8.	Chiều cao hoạt động tối đa của băng tải (đầu tiếp cận máy bay)	Không nhỏ hơn 4.100 mm	Đạt
		Nhỏ hơn 4.100 mm	Không đạt
9.	Chiều dài của khung băng tải (Boom length)	Không nhỏ hơn 7.800 mm	Đạt
		Nhỏ hơn 7.800 mm	Không đạt
10.	Chiều rộng của khung băng tải (Boom width)	Không nhỏ hơn 780 mm	Đạt
		Nhỏ hơn 780 mm	Không đạt
11.	Chiều rộng của băng tải (belt width)	Không nhỏ hơn 600 mm	Đạt
		Nhỏ hơn 600 mm	Không đạt
12.	Tải trọng tối đa của băng tải ở góc nghiêng lớn nhất (24 độ tương đương 49%)	Không nhỏ hơn 600 kg	Đạt
		Nhỏ hơn 600 kg	Không đạt
13.	Tốc độ băng tải	Tốc độ băng tải có thể điều chỉnh được, tốc độ tối đa không nhỏ hơn 30 m/phút.	Đạt
		Tốc độ băng tải không điều chỉnh được.	Không đạt
14.	Hệ thống dẫn động băng tải	Bề mặt đỡ băng tải phía trên là sử dụng các thanh nhôm lắp đặt theo dạng lưới, đảm bảo băng tải không bị trượt ở tải trọng tối đa trong mọi điều kiện thời tiết	Đạt
		Loại khác yêu cầu trên	Không đạt
15.	Trang bị hai thanh chắn (Handrails)	Có trang bị hai thanh chắn có tay vịn cao tối thiểu 850mm so với mặt băng, được đặt dọc theo 2 bên chiều dài của khung băng tải, có khả năng hạ xuống thấp hơn bề mặt băng tải	Đạt
		Trang bị ít hơn hai thanh chắn có tay vịn hoặc chiều cao thấp hơn 850mm hoặc không có khả năng hạ xuống thấp hơn bề mặt băng tải	Không đạt
16.	Khung xe băng chuyên	Khung xe được thiết kế đặc biệt cho xe băng chuyên tự hành có tay lái bên trái	Đạt
		Loại khác	Không đạt
17.	Cabin lái (bục điều khiển)	Cabin lái (bục điều khiển) lắp đặt bên trái xe, có trang bị một ghế ngồi có tựa lưng, có thể điều chỉnh được dễ dàng và có dây đai an toàn	Đạt

Số TT	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
		Cabin loại khác hoặc không trang bị ghế ngồi theo yêu cầu trên	Không đạt
18.	Động cơ	- Động cơ loại diesel, 4 xy lanh, công suất từ 35 KW trở lên tại số vòng quay phù hợp, đạt tiêu chuẩn khí thải Tier 3/Stage 3A hoặc tương đương trở lên - Hệ thống truyền động sử dụng hộp số tự động.	Đạt
		- Động cơ loại khác hoặc công suất nhỏ hơn 35 KW hoặc không đạt tiêu chuẩn khí thải theo yêu cầu trên; - Hộp số loại khác	Không đạt
		Khác với yêu cầu trên	Không đạt
19.	Hệ thống lái.	Hệ thống lái trợ lực thủy lực hoặc thủy lực hoàn toàn.	Đạt
		Loại khác	Không đạt
20.	Bánh xe.	Xe được lắp đặt 04 bánh hơi đơn, loại lốp không săm (tubeless) có vành bằng thép. Bánh trước và bánh sau cùng kích thước.	Đạt
		Loại khác	Không đạt
21.	Hệ thống phanh	Hệ thống phanh thủy lực có trợ lực chân không, loại phanh kép, phanh trước là phanh đĩa. Xe có trang bị phanh tay	Đạt
		Không có trợ lực; loại phanh đơn; phanh trước loại tang trống hoặc không có phanh tay	Không đạt
22.	Hệ thống thủy lực	Hệ thống thủy lực sử dụng bơm, mô tơ thủy lực thích hợp (Đỉnh kèm theo đặc tính kỹ thuật bơm và mô tơ thủy lực)	Đạt
		Không có kèm theo đặc tính kỹ thuật bơm và mô tơ thủy lực	Không đạt
23.	Thiết bị/ đồng hồ đo mức dầu thủy lực trên thùng dầu thủy lực	Trên thùng dầu thủy lực có lắp đặt thiết bị đo mức dầu thủy lực và được đặt ở vị trí dễ tiếp cận và dễ nhìn thấy.	Đạt
		Không trang bị	Không đạt
24.	Bơm thủy lực khẩn cấp	Có trang bị bơm thủy lực khẩn cấp, gồm 01 bơm điện và 01 bơm tay.	Đạt
		Không có đủ bơm thủy lực khẩn cấp theo yêu cầu	Không đạt

Số TT		Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
25.	Hệ thống điện	Hệ thống điện điều khiển sử dụng dòng điện một chiều, điện thế 12V, được bảo vệ bằng các CB (cầu chì tự động)	Đạt
		Loại khác	Không đạt
26.	Công tắc cắt mát	Có trang bị công tắc cắt mát cho bình ắc quy	Đạt
		Không có	Không đạt
27.	Bảng điều khiển	Có trang bị các công tắc điều khiển, các đèn báo, đồng hồ hiển thị các thông tin liên quan đến chức năng của động cơ và các hệ thống trên xe	Đạt
		Không trang bị đủ theo yêu cầu trên	Không đạt
28.	Hộp công tắc điều khiển băng tải	Các công tắc điều khiển và công tắc khẩn cấp phải được lắp đặt tại hai đầu của băng tải và nằm trong hộp không thấm nước.	Đạt
		Khác	Không đạt
29.	Trang bị 05 công tắc tắt máy khẩn cấp.	Trang bị tối thiểu 05 công tắc tắt máy khẩn cấp gồm 04 công tắc ở đầu trước và đầu sau (cả hai bên) của băng tải và 01 công tắc tại bảng điều khiển trên ca bin lái.	Đạt
		Trang bị ít hơn 05 công tắc tắt máy khẩn cấp	Không đạt
30.	Còi lùi	Có trang bị còi lùi.	Đạt
		Không trang bị	Không đạt
31.	Hệ thống đèn chiếu sáng và đèn báo	<ul style="list-style-type: none"> - Có trang bị đèn chiếu sáng khu vực hoạt động (working light); - Có trang bị tất cả các đèn pha, đèn cảnh báo, công tắc, đồng hồ báo - Có trang bị đèn xoay màu vàng. 	Đạt
		Không có một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
32.	Đồng hồ giờ hoạt động	Có trang bị đồng hồ giờ hoạt động.	Đạt
		Không trang bị	Không đạt
33.	Hệ thống tiếp cận và định vị an toàn vào máy bay	Có lắp đặt hệ thống tiếp cận và định vị an toàn vào máy bay (Aircraft Safe Docking)	Đạt
		Không có	Không đạt
34.	Trang bị công tắc an toàn "Dead-man switch" cho chức	Chức năng nâng/hạ băng tải phải sử dụng đồng thời 2 công tắc: công tắc nâng/hạ băng tải và công tắc an toàn "Dead-man switch"	Đạt

Số TT	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	nâng nâng/hạ băng tải	Không trang bị công tắc an toàn “Dead-man switch”	Không đạt
35.	Móc kéo	Có lắp đặt móc kéo ở đầu xe và ở sau xe	Đạt
		Không có	Không đạt
36.	Cao su giảm chấn chống va chạm	Có cao su giảm chấn chống va chạm phủ kín chiều rộng đầu băng tải, nơi tiếp xúc với máy bay.	Đạt
		Không có	Không đạt
37.	Hệ thống chống kẹt hành lý tại đầu băng tải	Trang bị hệ thống chống kẹt hành lý tại đầu băng tải và có công tác bỏ qua chức năng này	Đạt
		Không trang bị hệ thống chống kẹt hành lý	Không đạt
38.	Cơ cấu an toàn chống sập khi nâng băng tải	Có trang bị cơ cấu an toàn chống sập khi nâng băng tải để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa.	Đạt
		Không trang bị	Không đạt
39.	Bình cứu hỏa	Có lắp đặt một bình cứu hỏa ở nơi dễ tiếp cận.	Đạt
		Không lắp đặt bình cứu hỏa	Không đạt
40.	Các chức năng an toàn	- Động cơ không khởi động được nếu cần số không ở vị trí trung hòa hoặc khi động cơ đang hoạt động. - Băng tải không chuyển động khi xe đang chạy.	Đạt
		Không có một trong các chức năng an toàn theo yêu cầu trên	Không đạt
C. CÁC YÊU CẦU KHÁC			
41.	Màu sơn và logo	Xe được sơn bằng màu vàng cam, mã màu RAL 1028 (Mẫu Logo HGS sẽ được giao khi thảo luận ký kết hợp đồng)	Đạt
		Màu khác	Không đạt
42.	Tài liệu kỹ thuật	Cung cấp ít nhất 03 bộ tài liệu viết bằng tiếng Anh (hoặc 01 bộ và 01 USB chứa các file tài liệu) bao gồm: - Hướng dẫn vận hành xe băng chuyền. - Hướng dẫn sửa chữa bảo dưỡng, sơ đồ điện, sơ đồ thủy lực xe băng chuyền. - Ca-ta-lô phụ tùng xe băng chuyền và động cơ, có hình minh họa.	Đạt
		Không có đủ tài liệu kỹ thuật theo yêu cầu trên	Không đạt

Số TT		Nội dung đánh giá	Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
43.	Các trang bị theo mỗi xe	Có cung cấp vật tư phụ tùng đi kèm theo cho mỗi xe bao gồm: - 01 bộ bánh xe dự phòng gồm vành và lốp xe	Đạt
		Không có một trong các vật tư phụ tùng đi kèm theo yêu cầu trên	Không đạt
44.	Lắp ráp, hiệu chỉnh, chạy thử, nghiệm thu thiết bị	Có chuyên viên kỹ thuật của chính hãng tổ chức lắp ráp, hiệu chỉnh, chạy thử, nghiệm thu thiết bị tại Cảng HKQT Nội Bài	Đạt
		Không có chuyên viên kỹ thuật của chính hãng tổ chức lắp ráp, hiệu chỉnh, chạy thử, nghiệm thu thiết bị tại Cảng HKQT Nội Bài	Không đạt
45.	Huấn luyện	Nhà sản xuất cử chuyên viên kỹ thuật của chính hãng tổ chức huấn luyện vận hành và bảo trì thiết bị và có cấp giấy chứng nhận cho học viên của Bên Mua tại Cảng HKQT Nội Bài (Đính kèm chương trình đào tạo có nêu rõ thời gian, nội dung đào tạo cho nhân viên vận hành và nhân viên bảo trì)	Đạt
		Không có	Không đạt
46.	Bảo hành	Có thời gian bảo hành tối thiểu 24 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật.	Đạt
		Thời gian bảo hành dưới 24 tháng.	Không đạt
47.	Thời gian giao hàng	Tối đa 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đạt
		Trên 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không đạt
	Kết luận		_____